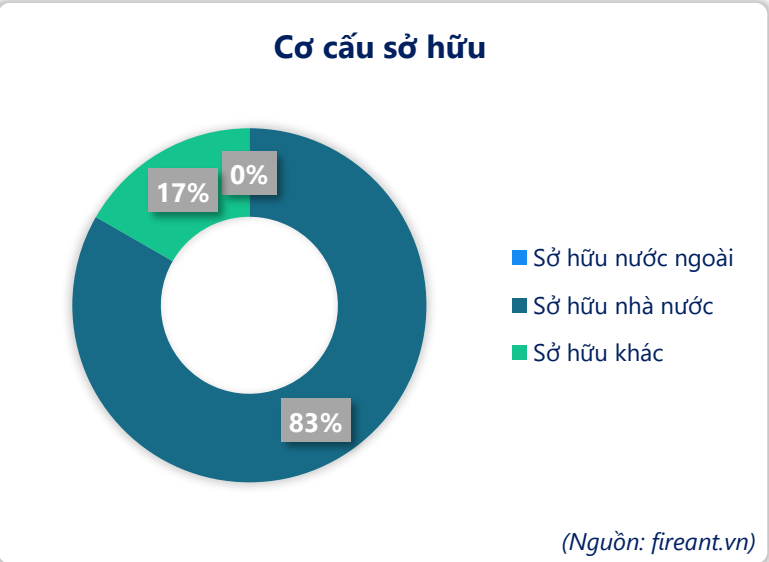
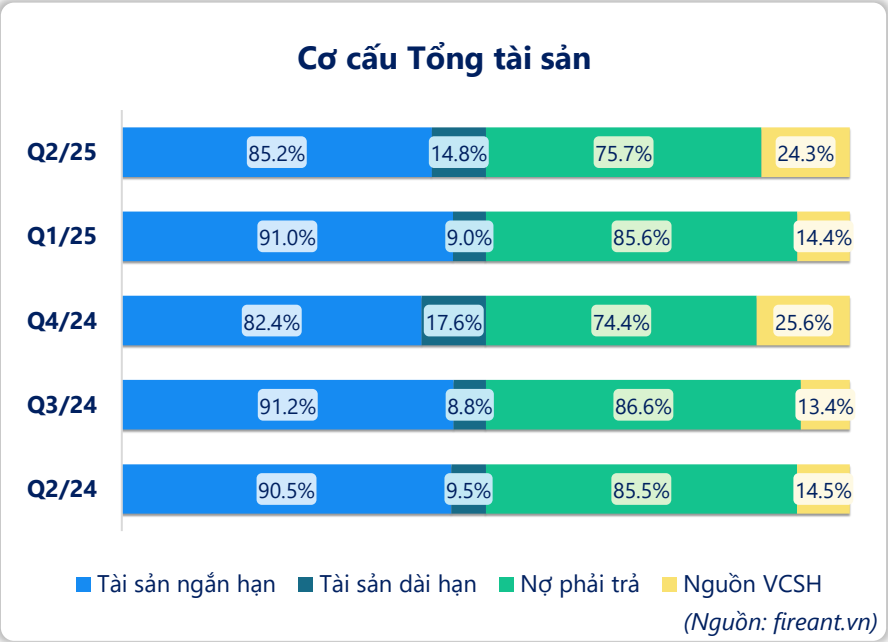
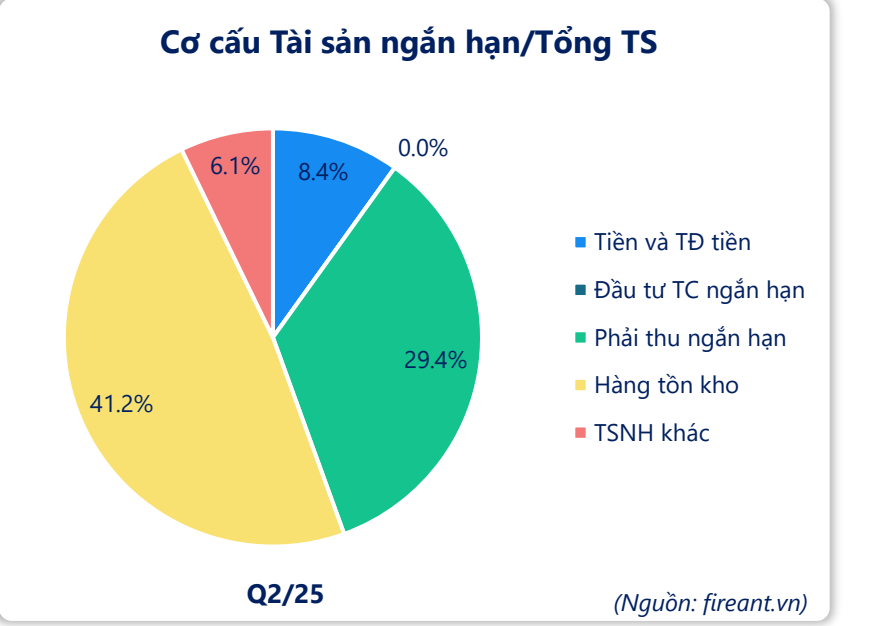
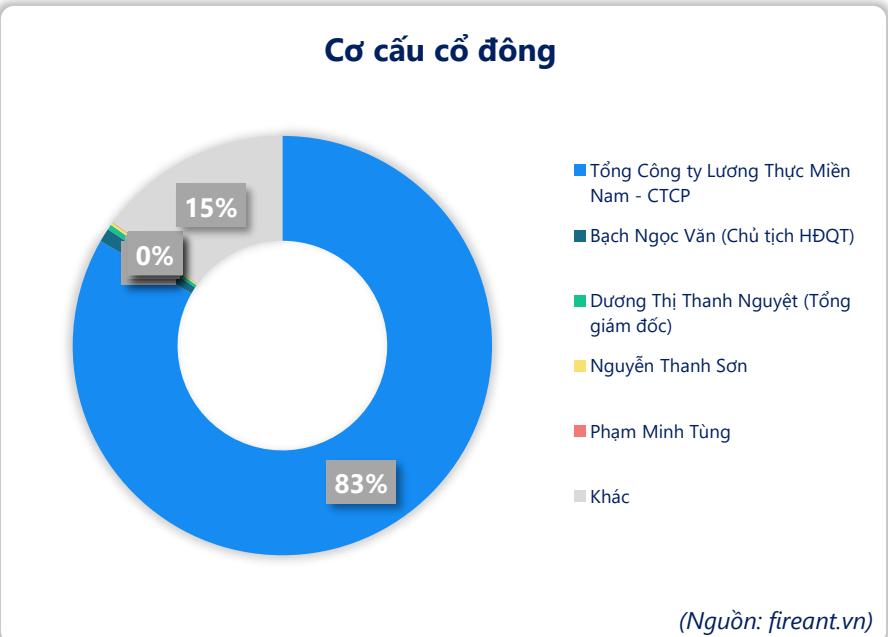
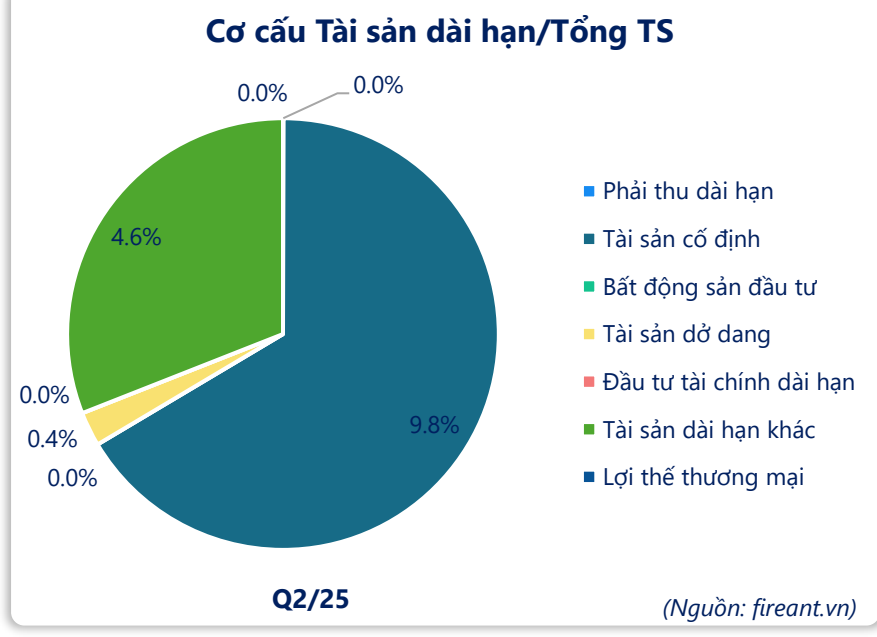
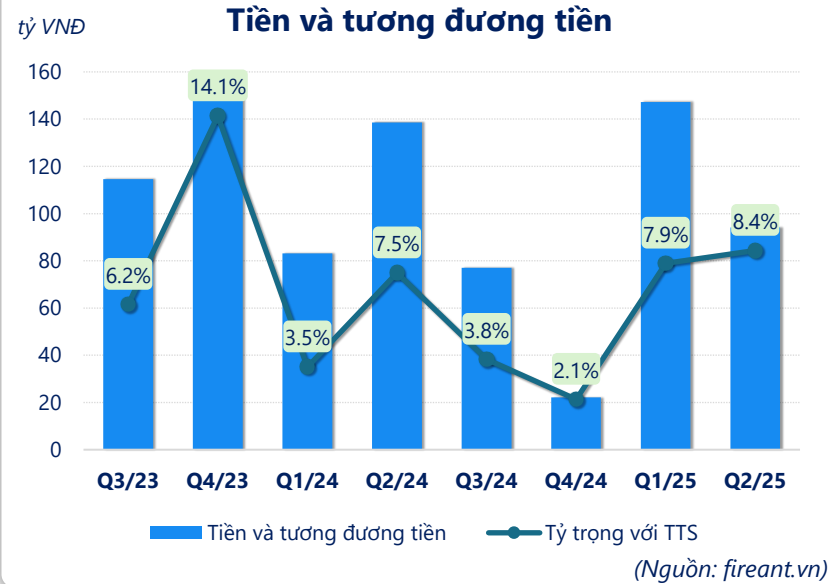
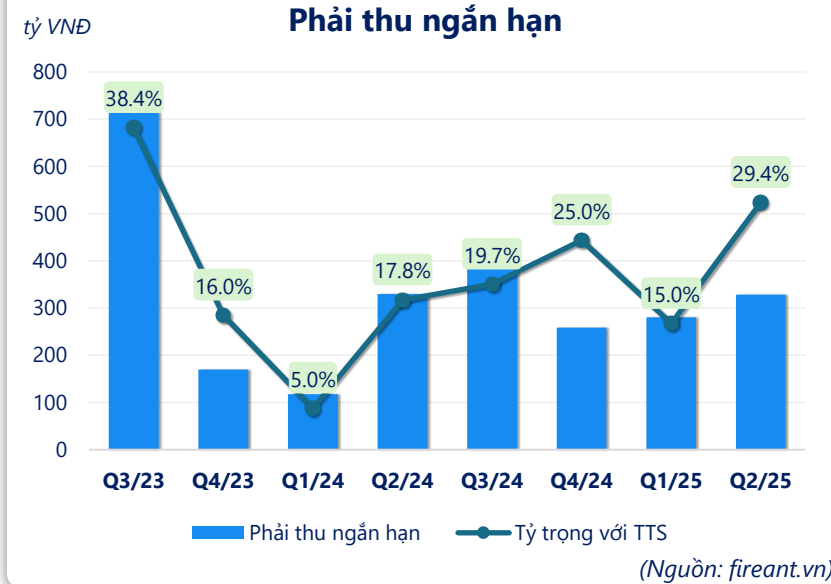
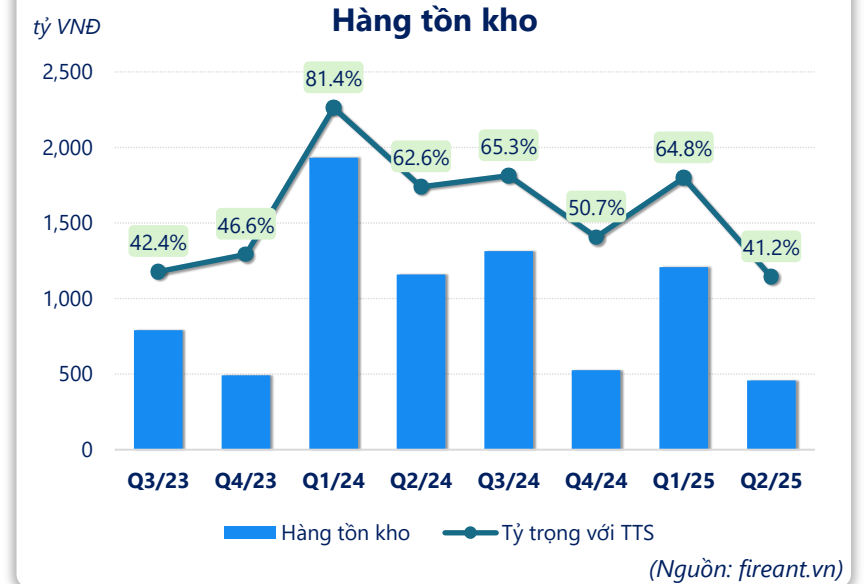
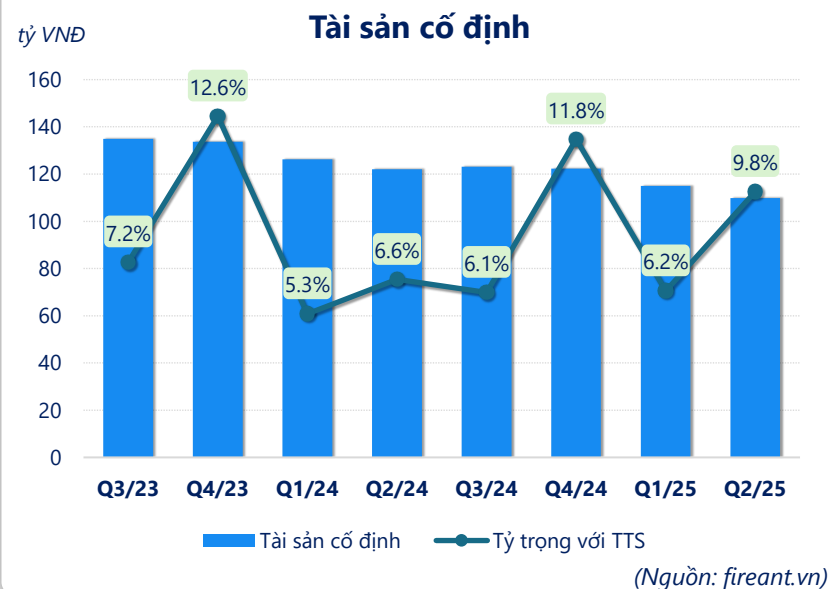
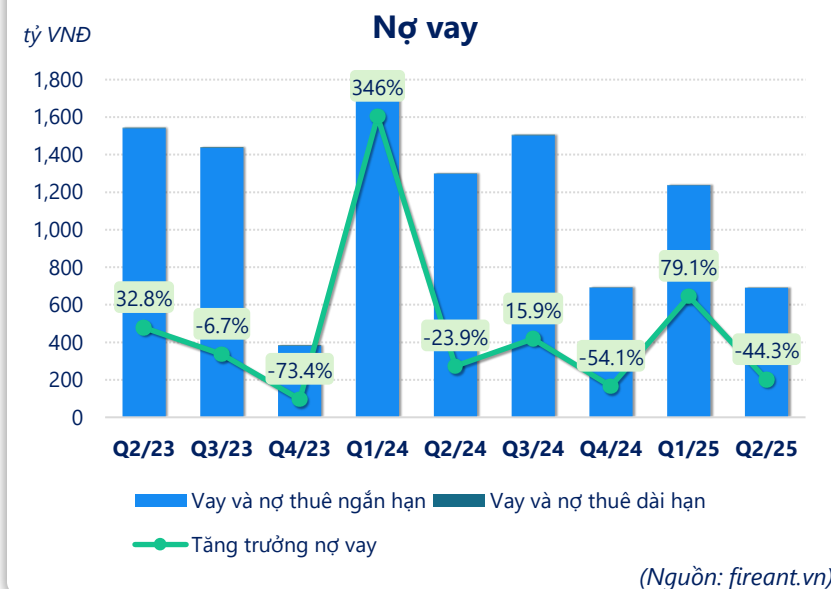
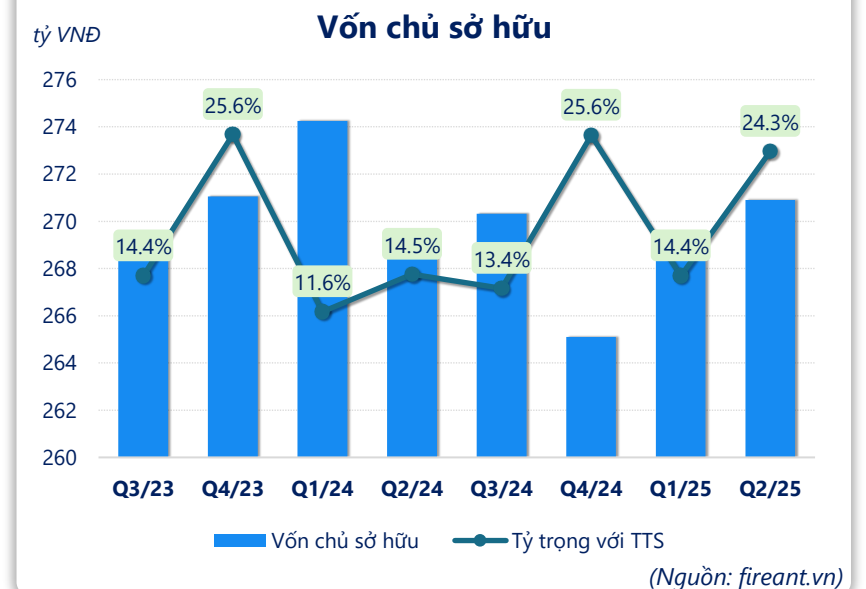
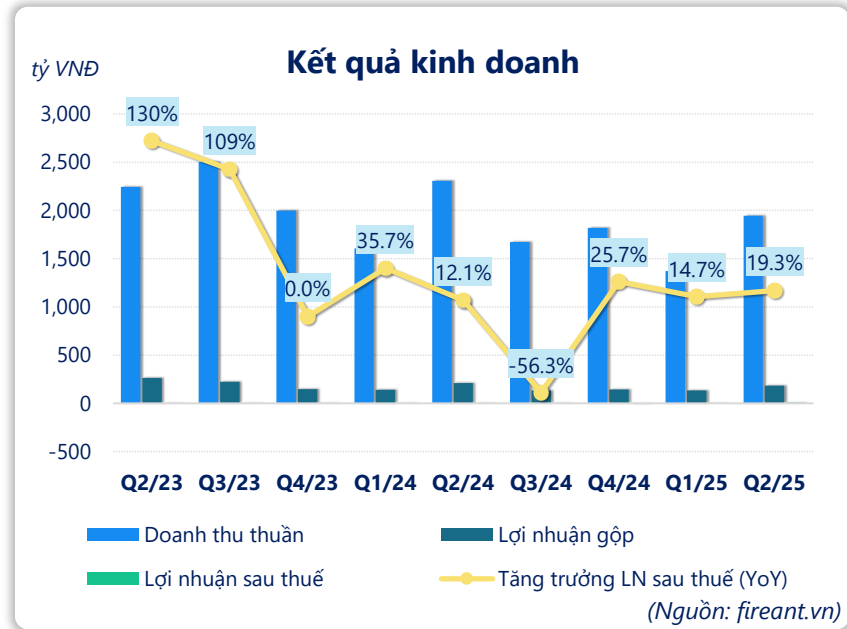
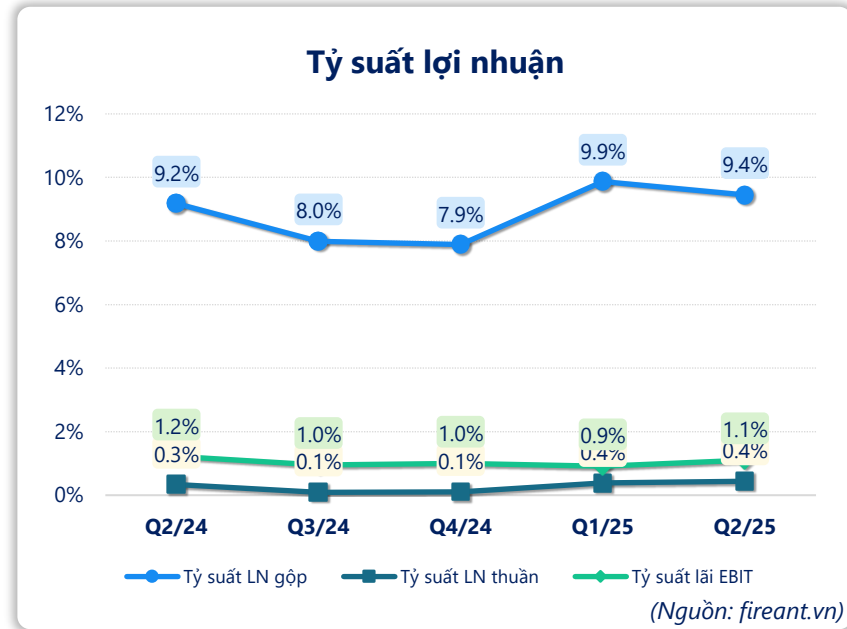
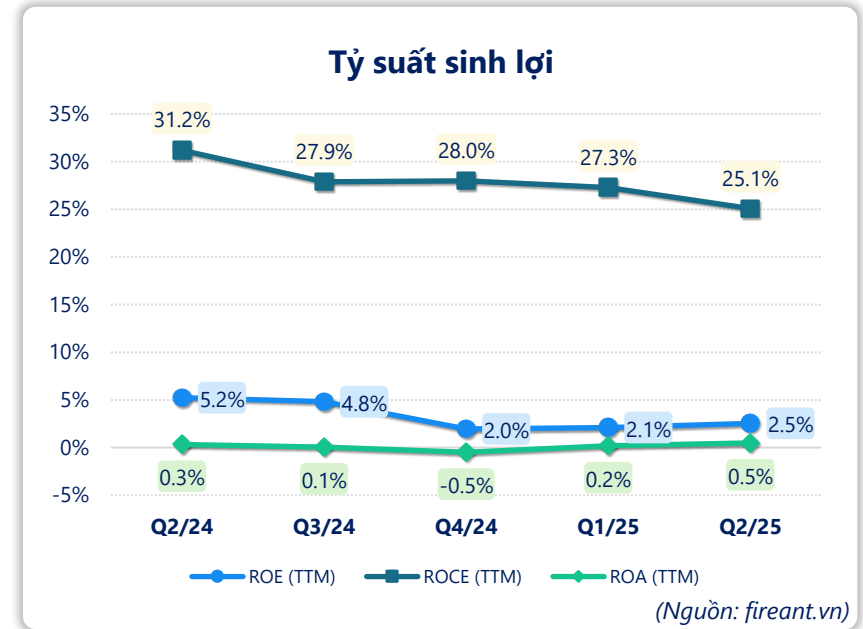
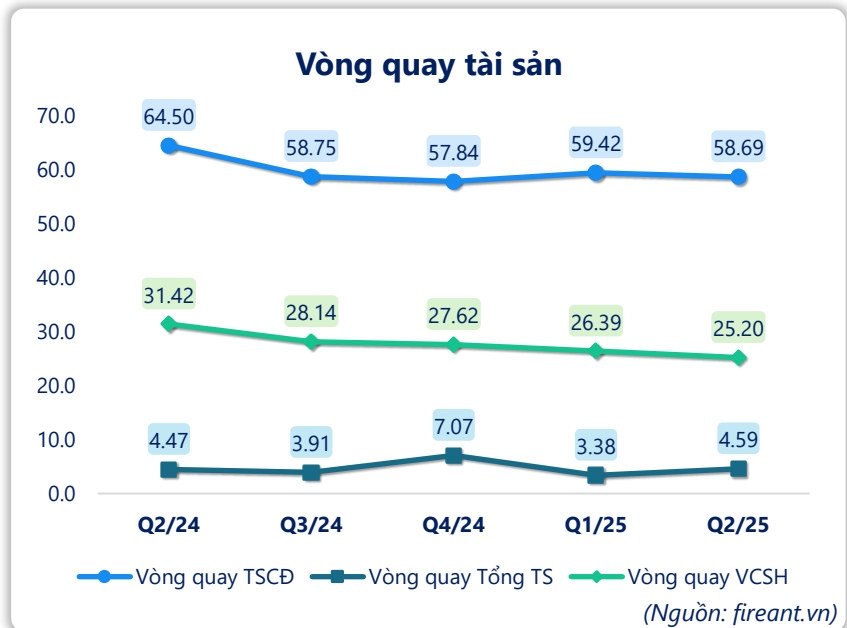
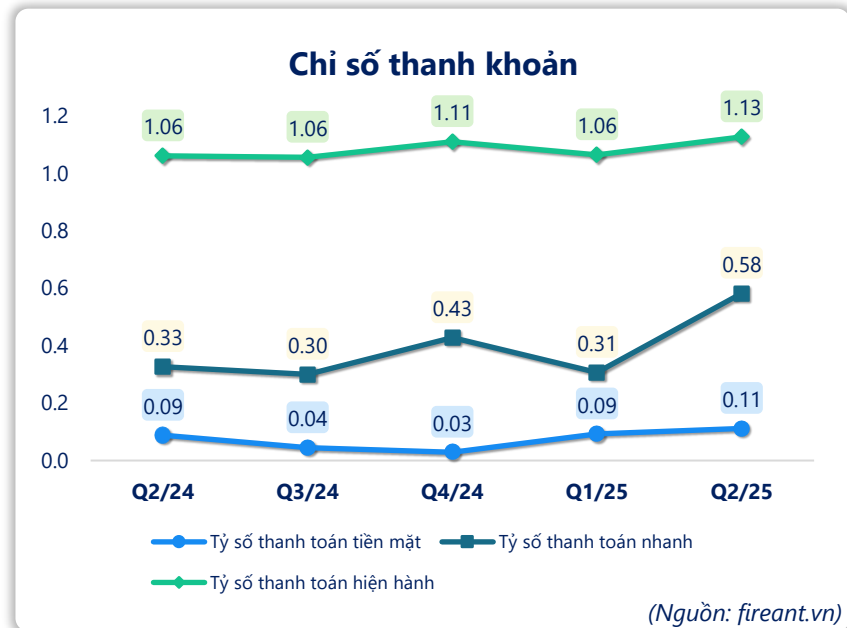
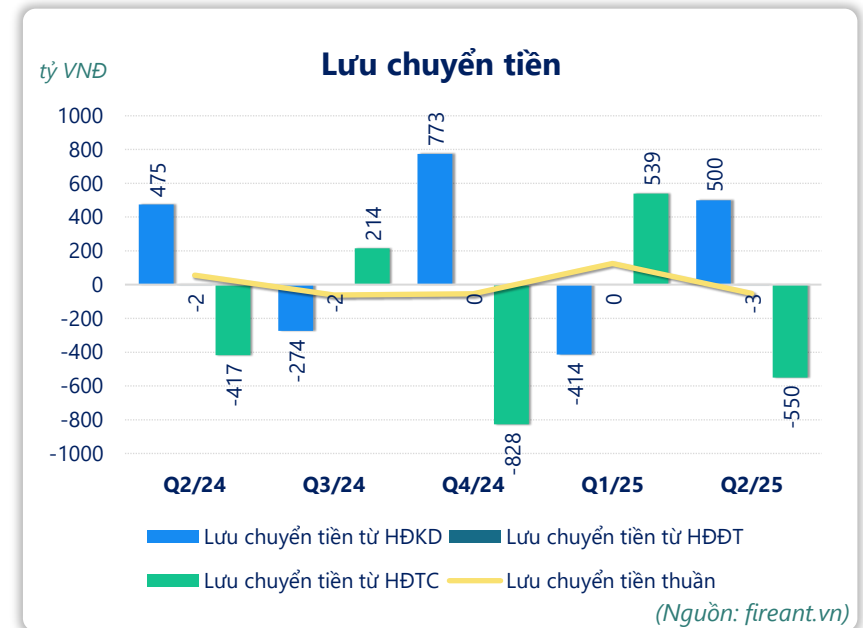


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,825
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,734
SL cổ phiếu LH		25,430,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25,325
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		142
P/E		20.7
EPS		270

	YTD	1T	3T	6T
KGM	-17.2%	-3.4%	-9.4%	-18.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,115	1,036	7.6%
Tài sản ngắn hạn	950	854	11.2%
Tiền và tương đương tiền	94.1	22.1	326%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	328	259	26.9%
Hàng tồn kho	459	525	-12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	68.4	48.1	42.2%
Tài sản dài hạn	165	182	-9.3%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	110	122	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.25	2.15	97.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	51.2	57.9	-11.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	844	771	9.5%
Nợ ngắn hạn	843	769	9.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	689	690	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	19.2	-43.7%
Nợ dài hạn	1.16	1.85	-37.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.16	1.85	-37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	271	265	2.2%
Vốn chủ sở hữu	271	265	2.2%
Vốn điều lệ	254	254	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,306	1,672	1,818	1,370	1,943
Giá vốn hàng bán	2,094	1,538	1,675	1,235	1,760
Lợi nhuận gộp	212	134	143	135	184
Doanh thu HĐTC	17.6	9.72	11.0	11.1	8.83
Chi phí TC	25.8	17.0	41.5	18.4	22.7
Chi phí lãi vay	20.6	14.5	15.9	7.93	12.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	179	106	89.9	115	151
Chi phí QLDN	17.2	18.3	21.2	8.05	9.90
LN thuần từ HĐKD	7.67	1.51	1.88	5.30	8.53
Lợi nhuận khác	-0.10	0.00	0.31	-0.73	0.50
LN trước thuế	7.57	1.51	2.19	4.58	9.03
Lợi nhuận sau thuế	6.05	1.21	-5.22	3.66	7.22
LNST của CĐ cty mẹ	6.05	1.21	-5.22	3.66	7.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	475	-274	773	-414	500
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.06	-1.97	-0.37	-0.28	-2.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-417	214	-828	539	-550
Tiền đầu kỳ	83.1	139	77.1	22.1	147
Lưu chuyển tiền thuần	55.5	-61.5	-55.0	125	-53.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.02	0.02	-0.05	0.03
Tiền cuối kỳ	139	77.1	22.1	147	94.1

(Nguồn: fireant.vn)